

## VÀI NÉT VỀ CHUYỂN DỊCH TƯƠNG ĐƯƠNG (trên cứ liệu các văn bản thư tín thương mại Pháp - Việt)

Hà Văn Riễn

*Khoa Tiếng Pháp*

*Đại học Ngoại Thương Hà Nội*

### 1. Đặt vấn đề

Tương đương trong dịch thuật là vấn đề trung tâm của lí thuyết dịch và là một trong những vấn đề làm nảy sinh nhiều quan niệm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Nguyên nhân của sự khác biệt này có thể là do các tác giả xuất phát từ các cách nhìn nhận khác nhau về bản chất của ngôn ngữ, bản chất của dịch thuật và áp dụng các lí thuyết ngôn ngữ học khác nhau vào nghiên cứu dịch thuật.

Khái niệm tương đương trong dịch thuật là đặc biệt quan trọng khi chúng ta bàn đến vấn đề đánh giá, thẩm định dịch phẩm. Lịch sử dịch thuật đã chứng kiến nhiều thái độ khác nhau trong cách đánh giá về tương đương trong dịch thuật [xem 14, 18, 22, 23, 24, 25].

Những kết quả nghiên cứu ngôn ngữ theo những khuynh hướng hiện đại đã thúc đẩy Nida và Taber đề xuất mô hình tương đương động (équivalence dynamique). Theo Nida và Taber, tùy theo đối tượng tiếp nhận bản dịch mà chúng ta sẽ có các văn bản dịch khác nhau. Mô hình này được tiếp tục phát triển bởi Bakhudavov và Koler. Theo đó, có nhiều tương đương khác nhau: tương đương về nội dung, phong cách, giá trị biểu cảm... và tùy theo mục đích giao tiếp, loại hình văn bản, đối tượng tiếp nhận mà tương đương nào được ưu tiên chuyển dịch. Ví dụ trong dịch thơ ca, văn bản văn học nghệ thuật thì tương đương quan trọng là tương đương về nội dung, tương đương biểu thái; trong dịch văn bản thương mại tương đương quan trọng được chú trọng phải là tương đương nội dung miêu tả, tương đương về mục đích giao tiếp... Trong bài viết này, chúng tôi sẽ tập trung bàn về vấn đề tương đương ngữ nghĩa trong dịch thuật. Khái niệm tương đương về ngữ nghĩa hiện đang là khái niệm trung tâm của lí thuyết dịch (xem Larson), nó được dùng để chỉ một tập hợp các loại tương đương khác nhau: tương đương về thông tin miêu tả, tương đương về thông tin tình thái, tương đương về thông tin chủ đề, tương đương về mục đích giao tiếp và tương đương về phong cách, giá trị thẩm mỹ của văn bản.

### 2. Tương đương về thông tin miêu tả

Trong ngôn ngữ học, thông tin miêu tả còn được gọi là thông tin sự kiện, nghĩa trình bày. Đây là thông tin về các sự tình (state of affairs) trong thế giới hiện thực hoặc một thế giới khả năng (possible world) nào đó. Thông tin này đều được lô-gíc học và ngôn ngữ học quan tâm, bởi vì nó quyết định giá trị chân thực, đúng sai của mệnh đề. Ví dụ "ngày 15 tháng 4, chúng tôi đã xếp hàng lên tàu", mà lại được chuyển

dịch là "ngay 10 tháng 5, chúng tôi đã dỡ hàng xuống tàu", hoặc "chúng ta nhập khẩu thiết bị chính xác" mà lại chuyển dịch thành "chúng ta xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ" là sai lệch về chuyển dịch thông tin miêu tả. Sự thay đổi các thông tin miêu tả sẽ dẫn đến sự thay đổi giá trị đúng sai, tức giá trị chân thực của mệnh đề. Ở bình diện phân tích cấu trúc cú pháp của câu, các nhãn hiệu (label) trong thành phần câu truyền thống như: *chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, định ngữ...* là các thành phần mà ngôn ngữ học sử dụng để thể hiện thông tin miêu tả này. Bắt đầu từ Tesnière, đến Fillmore và các nhà ngữ nghĩa học sau này, thông tin miêu tả được xác định là gồm có các vai nghĩa xoay quanh một vị trí trung tâm nào đó [5]. Có thể nói, sự nhận biết chính xác các vai nghĩa (tức các "cách sâu" mang ý nghĩa "sống còn" đối với những người làm công tác dịch thuật. Những năm gần đây một số nhà ngôn ngữ học như Dik, Frawley đã tiếp tục phát triển lí thuyết ngữ nghĩa về thông tin miêu tả bằng cách đưa ra lí thuyết về các kiểu sự tình, dựa trên các thông số về tính ( $\pm$ động), ( $\pm$  chủ ý), ( $\pm$ hữu kết), ( $\pm$ nhất thời) [xem 2, 6]. Cũng như việc nắm bắt các vai nghĩa, việc nắm bắt các kiểu sự tình là một thao tác rất quan trọng trong dịch thuật. Một khi kiểu sự tình bị hiểu sai, hiểu không đúng có thể dẫn đến thao tác chuyển dịch sai lệch. Chúng ta xem xét hai ví dụ sau :

- *Nó vẽ tranh* (1).

- *Nó vẽ một bức tranh* (2).

Câu (1) : sự tình [- hữu kết ], tức là không có kết thúc tự nhiên.

Câu (2) : sự tình [+hữu kết ], tức là một sự tình có kết thúc tự nhiên.

Trong danh ngữ "*bức tranh*" ở câu (2), loại từ "*bức*" (classificateur) cho biết đây là một bức tranh cụ thể, sự tình trong câu này là [+ hữu kết ]. Hai câu trên đây được dịch khác nhau sang tiếng Pháp:

*Il dessine le tableau* (1')

*Il dessine un tableau* (2')

Có thể nói việc xác định được vai nghĩa của danh ngữ trong câu, kiểu sự tình mà câu nói biểu thị là những thao tác cơ bản quyết định khả năng dịch được hay không dịch được, dịch chính xác hay không chính xác của dịch giả. Trong tiếng Việt, các vai nghĩa được thể hiện bằng các ngữ đoạn được phân biệt bởi vị trí, trước động từ hành động thường là chủ thể, còn sau động từ hành động là bị thể. Ví dụ :

"*Chúng tôi xuất hàng*", trong câu này "*chúng tôi*" là chủ thể, còn "*hàng*" là bị thể, động từ hành động ở đây là "*xuất*".

Các vai nghĩa còn được đánh dấu bởi các hình thái cách, bởi các giới từ kèm theo. Trong tiếng Pháp, chúng ta có thể thấy rất rõ điều này. Ví dụ :

- *Ce produit vient de Paris* (*hàng này từ Pari gửi về*).

- *Ce produit est réservé à l'exportation* (*hàng này dành để xuất khẩu*).

Giới từ "de" thể hiện điểm xuất phát (So), và giới từ "à" thể hiện điểm đích (Go). Cách sử dụng chuẩn xác giới từ trong công thức của động từ (formule du verbe) là một trong những nhân tố rất quan trọng, quyết định chất lượng của dịch phẩm.

### 3. Tương đương về thông tin tình thái

Khái niệm tình thái được xem là một trong những khái niệm phức tạp nhất của ngôn ngữ học hiện đại. V. Z. Panfilov (1977) đã từng nhận xét là không có phạm trù nào mà bản chất ngôn ngữ học và thành phần các ý nghĩa bộ phận lại gây ra nhiều ý kiến khác biệt và đối lập nhau như phạm trù tình thái [8]. Trong phạm vi ngữ nghĩa học, thông tin tình thái được xác định gồm các loại thông tin sau đây:

+ Các ý nghĩa khác nhau thể hiện sự đánh giá, thái độ, lập trường hay cảm xúc của người nói đối với nội dung thông báo: người nói đánh giá nội dung thông báo và mức độ quan trọng, mức độ tin cậy, xem nó là điều tích cực (mong muốn) hay tiêu cực, bất ngờ, ngoài chờ đợi hay bình thường, và tính khả năng, tính hiện thực.

+ Ý nghĩa thuộc đối lập giữa khẳng định và phủ định đối với sự tồn tại của sự tình.

+ Những đặc trưng liên quan đến diễn tiến của sự tình, liên quan đến khung vị từ và mối quan hệ giữa chủ thể được nói đến trong câu và vị từ (thời, thể, hay các ý nghĩa được thể hiện bằng vị từ tình thái...).

+ Các ý nghĩa phản ánh các đặc trưng khác của phát ngôn và hành động phát ngôn với thực tế ngữ cảnh, theo quan điểm đánh giá của người nói. Ví dụ: đặc tính siêu ngôn ngữ, hỏi lại, sự đánh giá của người nói về mức độ hiểu biết của người nghe, thái độ, tình cảm của người nói đối với người nghe, sự đánh giá của người nói đối với các quan điểm, ý kiến khác...

Giao dịch trao đổi thương mại là tiến hành các hoạt động kinh tế nhằm mưu cầu lợi ích, theo đó các bên có quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Vì vậy các thông tin về tình thái trong văn bản thương mại là rất quan trọng. Đó là những thông tin biểu thị thái độ của người thảo văn bản về trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên, thông tin về tính tất yếu hay khả năng, hiện thực hay phi hiện thực của các hành vi và sự kiện giao dịch thương mại. Khi chuyển dịch cần bảo đảm đúng các thông tin này, bởi lẽ các văn bản giao dịch thương mại sẽ được dùng làm chứng cứ pháp lý để giải quyết khi có tranh chấp. Có một điều cần hết sức chú ý là hệ thống các phương tiện biểu thị tình thái trong tiếng Pháp và tiếng Việt là khác nhau, cho nên dịch giả phải tìm cho được những cách biểu đạt tương đương. Điều này đòi hỏi dịch giả phải có một khả năng song ngữ thành thạo. Tiếng Pháp chủ yếu dựa vào hệ thống các thức, các động từ tình thái (verbes modaux), các tính từ tình thái (*possible - có thể, certain - chắc chắn...*), tiếng Việt không có thức nhưng có thể biểu thị các thông tin tình thái bằng nhiều phương tiện khác nhau. Tùy theo những trường hợp cụ thể, người dịch có thể tìm cách diễn đạt tương đương.

Ví dụ: "*Nous pouvons vous accorder une remise de 20%*" có thể được dịch là "*Chúng tôi có thể chấp thuận giảm giá cho các ông 20%*".

hoặc "Các ông có thể được nhận giấy phép nhập khẩu trong thời hạn sớm nhất" có thể được dịch là "Il vous est possible de recevoir au meilleur délai la permission d'importation".

hay "Cette somme sera payable contre les documents suivants: facture, connaissance, police d'assurance. La marchandise sera expédiée CAF Bordeaux" sẽ được dịch là "khoản tiền này sẽ được thanh toán khi nhận được các chứng từ sau đây: hoá đơn, vận đơn đường biển, hóa đơn bảo hiểm. Hàng sẽ được gửi theo điều kiện giao hàng CAF cảng Bordeaux".

#### 4. Tương đương về thông tin chủ đề

Thông tin chủ đề được thể hiện qua cấu trúc Đề - Thuyết, là cấu trúc nhằm truyền đi thông điệp của câu. Đề được hiểu là cơ sở, là điểm xuất phát mà từ đó phát triển thông tin, hình thành thông điệp. Nói một cách khác, để trình bày một thông điệp, trước hết người ta chọn một cái Đề và sau đó trình bày những thông tin quan yếu về cái Đề đó [xem 15, 16]. Bởi vì cấu trúc Đề - Thuyết của thông điệp là cố định, cho nên để đảm bảo tương đương về thông tin chủ đề thì một nguyên tắc quan trọng khi dịch là phải tôn trọng thứ tự trật tự của các ngữ đoạn được chọn làm Đề so với ngữ đoạn còn lại được chọn làm Thuyết. Ví dụ, chúng ta xét hai câu sau:

- + Chúng tôi không xuất hàng không đảm bảo chất lượng ISO 9000 (1).
- + Hàng không đảm bảo chất lượng ISO 9000, chúng tôi không xuất (2).

Hai câu này đồng nhất về thông tin miêu tả (sự việc: Chúng tôi không xuất hàng không đảm bảo chất lượng ISO 9000), tuy vậy chúng không đồng nhất với thông tin chủ đề. Ở câu (1) chủ đề là "chúng tôi" còn ở trong câu (2) chủ đề là "hàng không đảm bảo chất lượng ISO 9000". Về mặt hình thức (ở đây được hiểu là vị trí trong câu) thì thông tin chủ đề bao giờ cũng nằm ở đầu câu.

Chúng ta xem xét thêm ví dụ sau:

"Si ce tissu vous intéressait, nous vous serions obligés de nous passer votre commande le plus tôt possible" (nếu các ông quan tâm đến loại vải này, xin các ông hãy chuyển cho chúng tôi đơn đặt hàng của các ông càng sớm càng tốt).

"Comme le total de notre commande s'élève à FF 54.000, nous espérons bénéficier d'un rabais de 2% selon les termes de votre offre du 12 mai courant" (vì trị giá đơn đặt hàng của chúng tôi lên đến 54.000 FF, chúng tôi hy vọng được giảm giá 2% theo như điều kiện đơn chào hàng của các ông ngày 12 tháng 5 vừa qua).

"Nous référant à notre correspondance antérieure, nous vous passons commande ferme de nattes de plage en jonc tressé, bordées tissu" (Căn cứ vào những thư từ trao đổi trước đây, chúng tôi xin gửi các ông đơn đặt hàng chính thức chiếu đan đi biển, có viền vải).

Trong ba ví dụ trên, chúng ta thấy các nhóm từ "si ce tissu vous intéressait", "comme le total de notre commande s'élève à FF 54.000", "nous référant à notre

*correspondance antérieure*" là các thành phần "Đề" cho các thành phần "Thuyết" được nói đến sau đó.

### 5. Tương đương về mục đích giao tiếp

Austin là người đã đặt nền móng cho những nghiên cứu về mục đích giao tiếp của phát ngôn, thông qua lí thuyết hành động ngôn từ (the theory of speech acts)[xem 4, 17]. Trong tác phẩm "Nói là hành động" (How to do things with words), ông đã quan tâm đến khía cạnh nghĩa tương tác liên nhân của câu, theo đó nói là một loại hành động được đặt trong những thiết chế xã hội cụ thể, với những cộng đồng người cụ thể. Theo Austin và những nhà nghiên cứu sau này, con người sử dụng câu nói là nhằm những mục đích giao tiếp khác nhau: để hỏi, để cầu xin, ra lệnh, hứa hẹn, bác bỏ, tuyên bố, thanh minh, an ủi, bày tỏ sự hài lòng... Ý nghĩa đích thực của câu nói chính là mục đích giao tiếp mà câu nói đã thể hiện trong quan hệ tương tác giữa người nói và người nghe (hay người viết và người đọc). Vì vậy, trong khi dịch, cần phải bảo đảm tương đương về mục đích giao tiếp với tư cách là tương đương quan trọng nhất [9][14][15]. Mục đích giao tiếp hay lực ngôn trung của câu có thể được nhận biết thông qua ngữ cảnh mà câu nói được sử dụng (qua sự suy ý) nhưng cũng có thể được nhận biết qua các dấu hiệu ngôn hành hiện diện trong câu. Các dấu hiệu ngôn hành đó có thể là các động từ ngôn hành (thông báo, hứa, xin lỗi, mời...), các hư từ đặc biệt (dùng để hỏi, dùng để biểu thị câu hỏi, câu mệnh lệnh...) và có thể là ngữ điệu (trong văn bản các dấu câu được xem là sự thể hiện phần nào ngữ điệu).

Dịch giả phải nắm được những dấu hiệu ngôn hành tương đương hai ngôn ngữ: ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, để có thể hiểu đúng và chuyển dịch đúng, tức chuyển dịch tương đương mục đích giao tiếp của các phát ngôn trong văn bản.

Một bản dịch có chất lượng tốt là một bản dịch thể hiện lên được tương đương mục đích trong giao tiếp; cho nên trong thao tác chuyển dịch các loại văn bản thương mại tiếng Pháp sang tiếng Việt, cũng như việc chuyển dịch các loại văn bản thương mại tiếng Việt sang tiếng Pháp: thư chào hàng, xác nhận thư chào hàng, đơn đặt hàng, thư yêu cầu thanh toán tiền hàng, thư khiếu nại về chất lượng hàng, khiếu nại về chậm trễ giao hàng, thư trả lời thư khiếu nại, thư yêu cầu mở một tài khoản ngân hàng, thư yêu cầu thay đổi chi phí vận tải... dịch giả phải chú ý, ưu tiên hàng đầu đến tiêu chí này. Hành động ngôn từ trong các văn bản thương mại thường rất khác nhau và mỗi loại văn bản đều có cách thể hiện riêng của mình: thư chào hàng: khiêm tốn và tìm cách cho khách hàng mua hàng của mình, thư khiếu nại: mềm mỏng song cương quyết, trả lời thư khiếu nại: khéo léo, để nghị, kiến nghị, thư yêu cầu thanh toán tiền hàng: khéo léo, mềm mỏng song cương quyết... Chúng ta hãy xem xét một số cách thể hiện cụ thể như:

+ Để cảm ơn một dịch vụ:

*"je vous saurais reconnaissant (très reconnaissant, obligé, très obligé...) d'avoir bien voulu...(tôi rất biết ơn các ông...)"*

+ Để trả lời thư hỏi giá hàng:

*"Nous vous remercions d'avoir bien voulu nous consulter pour la fourniture éventuelle de...(chúng tôi cảm ơn các ông đã gửi thư hỏi giá hàng đến cho chúng tôi về khả năng cung cấp hàng...)"*

+ Để trả lời không thuận lợi:

*"Malgré mon vif désir de vous être agréable, il ne m'est pas possible de vous livrer ... le...(mặc dầu chúng tôi mong muốn làm các ông hài lòng, song chúng tôi không thể giao cho các ông ....ngày...)"*

Để từ chối, để trình bày lý do không thể đáp ứng được đối với khách hàng, thông thường trong lá thư người ta hay bắt đầu bằng câu: *"votre lettre du 10 courant a eu toute notre attention"* (chúng tôi rất chú ý đến lá thư ngày 10 vừa qua của quý ngài).

+ Để thể hiện sự sẵn sàng phục vụ khách hàng:

*"Suivant le désir exprimé par votre lettre du..."* (tiếp theo ý muốn được thể hiện trong quý thư ngày...)

*"Conformément à votre demande du...,j'ai pu vous réserver un lot de..."* (theo đơn đặt hàng của quý ngài ngày..., tôi đã dành cho các ông một lô hàng...)

Trường hợp người ta xác nhận một lá thư chưa được trả lời (đây là trường hợp thường hay xảy ra trong giao dịch thương mại, có thể là thư chưa được giao, có thể là thư còn ở lại tại bưu điện, có thể là người nhận đã thay đổi địa chỉ), câu đầu tiên trong dạng thư loại này có thể là:

*"Par ma lettre du... je vous priais de me faire connaître si..."* (qua lá thư của tôi ngày... tôi mong muốn các ông làm cho chúng tôi biết...)

*"Nous vous avons demandé le..."* (chúng tôi đã yêu cầu các ông ngày...). Dịch giả cần phân biệt cách chuyển dịch như sau:

*"Surpris de ne pas recevoir de réponse à ma lettre du..."* (ngạc nhiên vì không nhận được thư trả lời thư của tôi ngày...). Có những trường hợp người viết thư có thể khiển trách một cách hàm ngôn, ví dụ như trong một thư nhắc nhở khách hàng... Các cách chuyển dịch sau đây có thể tránh được nhầm lẫn, tránh được sự hiểu lầm :

*"Nous référant à notre première lettre de ce jour..."* (dẫn chiếu đến lá thư đầu tiên của ngày hôm nay của chúng tôi...).

*"Nous vous confirmons notre première lettre de ce jour..."* (chúng tôi xin xác nhận với các ông lá thư đầu tiên ngày hôm nay của chúng tôi...)

Trường hợp người ta viết lần đầu tiên cho một người nào đó, hoặc đó là một lá thư không có quan hệ từ trước. Trong trường hợp này, điều tốt nhất là đề cập một cách trực tiếp đối tượng của lá thư:

+ Đối với đơn đặt hàng:

"*Veillez m'expédier ...*" (xin các ông gửi cho tôi...).

+ Đối với yêu cầu hỏi giá hàng, hỏi mẫu hàng...:

"*Nous vous prions de nous faire connaître vos prix et conditions de livraison éventuelle de...*" (chúng tôi yêu cầu các ông cho chúng tôi biết giá cả và điều kiện giao hàng...)

"*Voudriez-vous avoir l'obligeance de m'adresser, le plus tôt possible, des échantillons de vos diverses sortes de...*" (các ông làm ơn cho gửi cho chúng tôi càng sớm càng tốt các mẫu hàng các loại...).

và khi lý lẽ lập luận của một lá thư phải chuyển dịch có cơ sở là các hiện tượng, sự việc cụ thể (khiếu nại giao hàng kém phẩm chất, nhắc nhở việc không giữ lời cam kết của khách hàng) chúng ta thấy có cách diễn đạt như sau:

"*Vous nous avez vendu, le... livrables au plus tard le ...or, à ce jour, ces articles ne sont pas encore à notre disposition*" (các ông đã bán cho chúng tôi ngày... hàng chậm nhất phải được giao ngày..., vậy mà cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa nhận được hàng).

+ Để yêu cầu cung cấp dịch vụ hoặc thông tin:

"*J'ai recours à votre obligeance pour...*" (tôi cần đến sự giúp đỡ của các ông...)

"*Je vous serais obligé de bien vouloir me...*" (tôi rất cảm ơn các ông nếu các ông cho tôi biết...)

+ Để thông báo gửi tiền thanh toán:

"*Nous vous remettons, sous ce pli séparé recommandé...*" (trong thư bảo đảm này, chúng tôi xin chuyển đến cho các ông...)

## 6. Tương đương về phong cách hay giá trị thẩm mỹ của văn bản

Chúng ta thường thấy có trường hợp hai cấu trúc giống nhau về nghĩa biểu hiện, song phong cách là khác nhau: là trang trọng, lịch sự hay không trang trọng, bình thường. Vấn đề này được thể hiện rất rõ trong các văn bản thư tín thương mại. Trong các dạng thư khác nhau, tùy theo từng đối tượng khách hàng khác nhau, quen thân, khách hàng đã có một lần giao dịch mất uy tín..., chúng ta thấy có các cách sử dụng ngôn ngữ khác nhau. Việc quyết định lựa chọn các tương đương phụ thuộc vào tri thức và trực giác của người dịch.

Văn bản thương mại có các đặc trưng phong cách riêng, đó là tính chính xác, tính ngắn gọn, tính rõ ràng, hình thức trình bày tiêu chuẩn, cách sử dụng ngôn từ, cách sử dụng các cấu trúc riêng có của văn bản thương mại chuyên ngành. Văn phong và cách thể hiện phải tương ứng với môi tình huống cụ thể trong giao dịch thương mại. Chúng ta có thể có những cách thể hiện sau giữa tiếng Việt và tiếng Pháp:

a) Để dẫn chiếu đến một tài liệu:

*conformément à (aux)...(theo ...).*

*ainsi qu'il est stipulé ... (đã qui định như sau...)*

b) Để thể hiện một sự hài lòng:

*je suis heureux de...(tôi hài lòng ...).*

*C'est avec grand plaisir que....(với sự hài lòng chúng tôi...).*

*J'ai le plaisir de ...(tôi hài lòng nhận thấy rằng...).*

c/ Để thể hiện sự luyến tiếc:

*Je regrette vivement de ...(tôi rất lấy làm tiếc rằng...)*

*A mon grand regret, je...(rất tiếc tôi phải...)*

*Je suis dans la pénible obligation de...(tôi buộc phải...)*

*Il m'est malheureusement impossible de ...(tôi đành phải ...).*

d/ Để thể hiện sự ngạc nhiên:

*- J'ai été étonné d'apprendre, par votre lettre du ... que... (qua thư của qui ông ngày...tôi rất ngạc nhiên rằng....)*

Tính thẩm mỹ, tính lịch sự, văn hóa, văn minh trong kinh doanh có thể được thể hiện rất rõ nét qua phong cách của văn bản thương mại, thông qua cách sử dụng từ, cách sử dụng các cấu trúc mẫu qui định, đặc thù riêng trong giao dịch thương mại. Hình ảnh của doanh nghiệp, của người đối tác được thể hiện qua văn bản giao dịch. Có nhiều cách để thể hiện đặc trưng phong cách hay giá trị thẩm mỹ của văn bản thương mại, vì thế dịch giả phải có một hiểu biết chắc chắn, tinh thông về phương diện này để có thể hiểu đúng và chuyển dịch đúng. Chẳng hạn, trong tiếng Pháp cách sử dụng thì, thời của động từ cũng thể hiện tính thẩm mỹ của văn bản. Chúng ta xem xét ví dụ sau đây:

*"Pourriez-vous nous accorder une remise de 10% ? (liệu các ông có thể giảm giá 10% cho chúng tôi được không?)*

và câu: *"Pouvez-vous nous accorder une remise de 10%?" (các ông có thể giảm giá 10% cho chúng tôi được không?).*

Cái khác trong hai câu chuyển dịch trên là "Pouvez-vous" và "Pourriez-vous": vai trò của động từ tình thái "pouvoir" trong hai câu trên là khác nhau. Trong tiếng Việt "liệu các ông có thể..." và "các ông có thể.." nghĩa tình thái là khác nhau. Thông tin về tình thái trong văn bản trên thực tế góp phần nhiều vào tính thẩm mỹ của văn bản.

Các tính từ "aimable" (đáng yêu), "amicale" (bằng hữu), "distingué" (trân trọng), "empresé" (vội vã), hoặc "meilleur" (tốt hơn) ...được sử dụng trong các câu



kết thúc đều thể hiện mức độ quan hệ giữa các bên giao dịch, nó thể hiện sự tôn kính, sự tin tưởng, thân mật bằng hữu, trân trọng ... của các bên đối với nhau.

Trong tiếng Việt để thể hiện lịch sự trang trọng chúng ta thấy có cách dùng các thuật ngữ "xin", "xin được", như trong các câu "chúng tôi xin được...", "chúng tôi rất lấy làm hân hạnh được phục vụ quý ngài"...

Trong tiếng Pháp bên cạnh các phương tiện ngôn ngữ khác được sử dụng để thể hiện tính trang trọng lịch sự của văn bản thương mại, chúng ta còn thấy việc dùng thức điều kiện (mode conditionnel) của động từ cũng là một cách dùng để thể hiện tính lịch sự của người viết, tính trang trọng và lịch sự của văn bản. Đối với câu "chúng tôi muốn nhận được càng sớm càng tốt các chứng từ giao hàng của các ông", chúng ta có hai câu dịch tiếng Pháp sau đây, và hai câu dịch này về cấp độ thẩm mỹ là hoàn toàn khác nhau:

*"nous voulons recevoir le plus tôt possible tous les documents relatifs à votre livraison."*

*"Nous voudrions recevoir le plus tôt possible tous les documents relatifs à votre livraison."*

hoặc câu "chúng tôi mong muốn sớm nhận được thư hồi âm của quý ngài", câu này chúng ta thấy được diễn đạt như sau trong tiếng Pháp:

*"Pourriez-vous avoir l'amabilité de nous répondre rapidement"*

Các thuật ngữ trong các văn bản kinh tế thương mại, nếu xét về nghĩa, là các từ ngữ hoàn toàn đối ngược lại với ngôn ngữ thông thường. Trong khi thực hiện các thao tác chuyển dịch các thuật ngữ này, dịch giả phải đảm bảo được các tính chất: chính xác, khoa học, dân tộc, ngắn gọn của thuật ngữ.

Vấn đề phiên âm tiếng nước ngoài cũng là một vấn đề dịch giả cần chú ý đến trong khi phải chuyển dịch các thuật ngữ kinh tế thương mại. Chúng ta thấy có rất nhiều tác giả đã đề xuất các thao tác dịch thông qua việc sử dụng các từ phiên âm từ tiếng nước ngoài, khi không thể tìm được thuật ngữ tương ứng trong tiếng Việt. Ví dụ: "arbitrage" được chuyển dịch thành "ác-bít" trong tiếng Việt, "catalogue" thành "catalô", "marketing" thành "mác-két-tinh", "conteneur" thành "công-ten-nơ", "syndicat" thành "xanh-đi-ca", "clearing" thành "cli-a-ring", "conglomérat" thành "công-glô-mê-ga", và các thuật ngữ liên quan đến điều kiện chung giao hàng như "FOB", "CIF"... Tuy nhiên nên khuyến khích việc tìm những thuật ngữ tương đương, có thể bằng cách sao phỏng (calque) hoặc đặt ra thuật ngữ mới. Khi cấu tạo hệ thống thuật ngữ, bên cạnh việc bảo đảm tính chính xác, tính khoa học, tính hệ thống còn phải lưu ý đến tính dân tộc. Tính dân tộc của thuật ngữ được tính đến sao cho thuật ngữ phù hợp với tiếng Việt, về âm hưởng, về ngữ pháp, gắn gũi với ngành kinh tế đối ngoại, dễ đọc, dễ viết, dễ hiểu, dễ nhớ. Ví dụ: "crédit documentaire" không nên dịch là "tín dụng thư" mà nên dịch là "thư tín dụng", "tarif" theo Hán - Việt là "biểu thuế". Một số thuật ngữ Hán - Việt khó hiểu nên được thay thế bằng

các từ ngữ khác dễ hiểu hơn. Ví dụ: "vice caché" là "ẩn tỳ", nên chuyển dịch là "khuyết tật kín", cách dịch này, theo chúng tôi, sẽ mang tính dân tộc cao hơn.

Có thể nói dịch thuật là một nghệ thuật, vấn đề chuyển dịch tương đương về ngữ nghĩa là vấn đề quan trọng nhất, quyết định chất lượng của dịch phẩm: dịch phẩm có chất lượng là một dịch phẩm chuyển dịch được nhiều nhất các tương đương ngữ nghĩa từ văn bản gốc sang văn bản dịch.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hồng Côn. Bàn thêm về cấu trúc thông báo của câu tiếng Việt. *Tap chí Ngôn ngữ*, số 5(2001).
2. Lê Đông. Vai trò của thông tin tiền giả định trong cấu trúc ngữ nghĩa - ngữ dụng của câu hỏi, *Tap chí Ngôn ngữ*, số 2(1994).
3. Đinh Văn Đức. Tìm hiểu ngữ trị của các từ loại thực từ tiếng Việt, *Tap chí Ngôn ngữ*, số 5(2001).
4. Nguyễn Văn Hiệp. *Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học* (bài giảng), 2000.
5. Nguyễn Văn Hiệp. Một thử nghiệm về vai trò của ngữ nghĩa trong phân tích cú pháp (Biểu hiện qua phân tích các nội dung tình thái trong câu), *Tap chí Khoa học*, Khoa học xã hội, ĐHQG Hà nội, số 3(2000).
6. Nguyễn Văn Hiệp. Hướng đến một cách miêu tả và phân loại các tiểu từ tình thái cuối câu tiếng Việt, *Tap chí Ngôn ngữ*, 5(2001).
7. Đinh Trọng Lạc. *Phong cách văn bản học*. NXB Giáo dục, 1994.
8. Đinh Trọng Lạc. *Phong cách học tiếng Việt*. NXB ĐHQG Hà Nội, 1997.
9. Vương Toàn. *Để dịch được một văn bản khoa học*, Những vấn đề ngôn ngữ và dịch thuật, hội Ngôn ngữ học Việt nam, Trường ĐHSP Ngoại ngữ Hà nội, 1993.
10. Lê Quang Thiêm. *Nghiên cứu đôi chiếu các ngôn ngữ*. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1989.
11. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp. *Tiếng Việt thực hành*. NXB ĐHQG Hà Nội, 1997.
12. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp. Về khái niệm nòng cốt câu, *Tap chí Ngôn ngữ*, số 4(1991).
13. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp. *Thành phần câu tiếng Việt*. NXB ĐHQG Hà Nội, 1998.
14. Phan Ngọc. *Cách dịch từ để nói ý trong văn bản*. Tuyển các bài viết về đề tài dịch, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà nội, 1995.
15. Austin L. *How to do things with words*. Oxford, London, 1962.
16. Dik S. *The theory of functional grammar*, Part 1, The structure of the clause. Dordrecht, Foris, 1989.

17. Dixon R.M.W. *A new approach to english grammar, on semantic principles*. Clarendon Oxford, 1992.
18. Durieux Ch. *Fondement didactique de la traduction technique*. Didier, Hatier.
19. Fillmore Ch.J. *Về tổ chức của thông tin ngữ nghĩa trong từ điển, cái mới trong ngôn ngữ học ở nước ngoài*, chương 14. NXB Tiến bộ. M, 1983.
20. Frawley. *Linguistic semantic, Hillsdale, New Jersey*. Lawrence Erlbaum Associates Publishers, 1992.
21. Searle. *Speech Act*. Cambridge, London, 1969.
22. Mariane L. et Fortunato I. *La liberté en traduction*, Paris, 1991.
23. Mounin G. *Les problèmes théoriques de la traduction*. Tel Gallimard, 1963.
24. Slescovich D. *L'interprète de conférence*. ESIT, Paris.
25. Jean Delisle. *L'analyse du discours comme méthode de la traduction*. Université d'Ottawa, 1980.

**SOME OBSERVATIONS ON TRANSLATION EQUIVALENCE  
(based on French - Vietnamese business correspondence)**

**Ha Van Rien**

*Department of French  
F.T.U of Hanoi*

This article deals with issues relating to semantic equivalence in translation. Semantic equivalence is a broad concept, which in fact consists of various equivalences: equivalence on information description, on information modality, on information about topic, on communication objectives and on stylistic and aesthetic values of texts. In translation, the demonstration of these equivalences is the decisive assurance of the quality of translation products. This article deals with the so-called "dynamic equivalence": the priority of these equivalences depends on the forms of texts and the subjects of reception. However, it can be affirmed that the more equivalences the translation products contain, the closer the perfection level they reach.